

SỬ NƯỚC TÀU

Bài đức Họp

Hồi học tiểu học, tôi học thuộc lòng Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Khi lên trung học, tôi thích thú nhất môn Việt sử, tôi thuộc nằm lòng những chiến công hiển hách của các vị anh hùng dân tộc, đọc đi đọc lại hoài mà không chán. Cho đến giờ này, ở vào tuổi 72, tôi vẫn ôn lại Sử khi vui cũng như khi buồn.

*

20-7-1954: Di cư vô Nam

Trước ngày di cư vô Nam, tôi thường đạp xe điện từ hồ Gươm đi gò Đống Đa trên tuyến đường Hà Nội – Hà Đông. Tôi leo lên gò cao, nơi chôn vùi xác giặc Thanh, Gió mát phảng phất hương thơm từ hồ sen áp Thái Hòa làm dịu bớt cái nóng gay gắt của Bắc Hà (a). Ngả lưng trên vuông vải mang theo, lấy cặp sách làm gối, tôi lần từng trang sử ra đọc:

Mở đầu lịch sử nước ta, Lạc Long Quân phong cho con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, năm 2879 trước. Tây Lịch (TL). Đất nước ta bấy giờ chạy dài từ thượng du Bắc Bộ đến tỉnh Quảng Trị ngày nay. Mười tám đời vua Hùng kế tiếp nhau hơn 2000 năm, xây dựng nước ta thành một quốc gia văn hiến, có kỷ cương, có luật pháp. Tiếp theo là thời đại Bắc thuộc (1117 tr. TL – 931), người Tàu xâm lăng nước ta, dân ta không ngừng chống trả. Bắt đầu là cuộc khởi nghĩa của hai Bà:

+ Cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng: Mùa xuân 40 tr. TL, hai Bà phát cờ nổi dậy. Từ Mê Linh, hai Bà xuống đánh chiếm Cổ Loa, tấn công Luy Lâu, diệt Thái Thú. Quân hai Bà đi đến đâu như gió lướt đến đấy:

Ngàn tây nổi áng phong trần
 Âm âm binh mã xuống gần Long Biên
 (Đại Nam quốc sử diễn ca)

Thái thú Tô Định vứt cả ấn tín, cắt tóc cạo râu, mặc giả thường dân, lẫn vào đám tàn quân trốn về Tàu.

+ Cuộc khởi nghĩa của bà Triệu: Năm 248, quân bà Triệu tấn công giặc Ngô. Các thành lũy của giặc bị đánh phá tan tành. Ra trận, bà thường mặc áo giáp đồng, dẫn quân xông trận, oai phong凛冽.

Trong thời đại tự chủ (939 – 1858), giặc Tàu vẫn không thôi mộng xâm lăng nước ta, mở đầu là cuộc chiến chống giặc Nam Hán:

+ Ngô Quyền chiến thắng Bạch Đằng: Năm 938, Ngô Quyền sai người cắm cọc nhọn tại cửa sông Bạch Đằng. Khi lâm chiến, thủy quân ta vờ rút chạy, tướng Nam Hán là Hoàng Thao hăm hở thúc quân đuổi theo, vượt qua trận địa cọc ngầm của ta. Khi thủy triều rút, quân ta đánh quật trở lại. Quân Tàu hốt hoảng quay đầu tháo chạy. Ra đến cửa sông, đúng lúc triều rút mạnh. Bãi cọc ngầm nhô lên, thuyền giặc va phải cọc nhọn, bị thủng vỡ, đắm rất nhiều. Quân địch bỏ chèo lái, nhảy xuống sông, phần bị giết, phần bị chết đuối, thiệt hại quá nửa, Hoàng Thao cũng bỏ mạng nơi đây. Ý đồ xâm lược nước ta của quân Tàu bị đè bẹp.

+ Lý Thường Kiệt phá quân nhà Tống: Năm 1076, giặc Tống xâm chiếm nước ta. Lý triều sai danh tướng Lý Thường Kiệt đem binh đi cự địch, đánh chặn giặc ở sông Như Nguyệt, quân Tống chết hơn vạn người. Để nức lòng binh sĩ, ông làm 4 câu thơ sau đây mà chúng ta ai cũng thuộc:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

+ Trần Hưng Đạo đập tan quân xâm lược Nguyên Mông: Trần Hưng Đạo đã 3 lần vào

những năm 1258, 1285, 1288 chiến thắng giặc Mông Cổ. Vó ngựa Thành Cát Tư Hãn dẫm nát Âu châu, Trung Á, đại lục Trung Hoa, không đâu cản nổi; nhưng 3 lần phải đại nhục trước sức mạnh của quân dân ta. Trong trận Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo đã trở sông Hóa mà thề rằng “Trận này không phá xong giặc Nguyên, thì không về đến sông này nữa”. Chiến công Bạch Đằng cũng tương tự như trận chiến của Ngô Quyền. Quân Mông chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị bắt cả. Ta lấy được 400 chiến thuyền, và bắt sống được binh sĩ giặc rất nhiều. Nghe tin quân thủy vỡ tan, thái tử giặc là Thoát Hoan dẫn quân đi đường bộ chạy trốn về Tàu, bị quân ta chặn đánh, tướng giặc Trương Quân bị Phạm Ngũ Lão chém chết, quân Tàu đại bại. Lấy lại giang sơn như cũ, Thánh Tông Thượng Hoàng làm 2 câu thơ (dịch nôm):

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông thiên cổ vững âu vàng

+ Lê Lợi khởi nghĩa chống giặc Minh: Dân ta khổ nhục trăm đường dưới thời cai trị tàn ác của nhà Minh, Lê Lợi kéo cờ khởi nghĩa chống giặc trong suốt 10 năm (1418 – 1427). Quân ta giáng lên đầu địch những đòn kinh hoàng “sắc phong vân cũng đổi, sáng nhật nguyệt phải mờ”. Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lân trúc phá tro bay. Đánh Tây Kinh phá tan thế giặc. Dưới Ninh Kiều máu chảy thành sông. Bên Tụy Động xác đầy ngoài nội. Lạng Giang, Lạng Sơn thây chết đầy đường. Bình Than máu trôi đỏ nước. Đánh một trận sạch không kinh ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Tướng Tàu là Liễu Thăng, Lương Minh tử trận, hơn 7 vạn quân bị giết. Bắt sống Thôi Tu và 3 vạn quân, Hoàng Phúc tự trói ra hàng. Chủ tướng Vương Thông xin hàng. Nhờ biết “đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo”, giang sơn ta lại thu về một mối.

+ Quang Trung phá giặc Thanh: Nửa đêm ngày 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), quân ta đánh úp quân Tàu đóng tại Hạ Hồi, Ngọc Hồi. Giặc chống cự không nổi, xông xáo tán loạn, xéo lên nhau mà chạy, xác quân Thanh nằm khắp đồng, máu chảy như thác nước. Tướng Tàu là Hứa Thế Hanh, Trương sĩ Long tử trận.

Sâm Nghi Đống đóng tại Đống Đa thất cô tự tử. Nửa đêm được tin báo, Tôn sỹ Nghi hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, chạy qua cầu phao Nhĩ Hà. Quân Tàu các doanh trại xông xáo chen lấn qua cầu, cầu gãy, lính Tàu bị chết đuối nhiều, xác người ngập sông.



Vua Quang Trung cưỡi voi, đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bám đen như mực.

Tôi đọc những trang sử oai hùng kể trên không biết bao nhiêu lần, nhưng đặc biệt lần này, nằm trên xác quân thù mà đọc. Mỗi lần ôn lại những chiến công oanh liệt của tổ tiên, tim tôi như muốn xỏ ra khỏi lồng ngực, nó đập liên hồi theo nhịp trống thúc quân Mê Linh, tiếng hò reo trên sông Bạch Đằng, tiếng vó ngựa Chi Lăng, tiếng loa Hạ Hồi. Đôi lúc tôi cũng la hét, dơ tay múa chân vì tưởng mình đang là lính xông pha nơi trận mạc. Vinh dự thay! Tự hào thay! Được mang dòng máu bất khuất của ông cha.

20-7-1975: Về thăm đất Tô

Từ lâu tôi hằng ao ước đi thăm những di tích lịch sử. Sau 20 năm lìa xa đất Bắc, tôi có dịp trở lại vào những năm 1975, 1998. Mỗi di tích không những thu hút về phương diện du lịch mà còn sống lại trong tôi những bài học Sử Ký ở nhà trường:

+ Khu di tích đền Hùng: Đền tọa lạc trên núi Nghĩa Lĩnh, thuộc tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 90 Km. Đền Giếng nằm ở chân núi (b), lăng

vua Hùng tọa lạc trên đỉnh. Năm nghìn năm lịch sử tưởng chừng như mới đây. Tôi nằm sấp mình trước bàn thờ Quốc Tổ để cầu xin chấm dứt cảnh cốt nhục tương tàn.

Hàng năm vào ngày 10 tháng 3 AL, ngày giỗ Tổ, đồng bào từ mọi miền đất nước lại nô nức trẩy hội về đây tưởng niệm các vua Hùng dựng nước:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba

+ Thành Cổ Loa: Thành cách Hà Nội 18 Km, thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành có hình tròn ốc nên gọi Loa Thành. Khi đọc truyện An Dương Vương xây thành vào thế kỷ thứ 3 tr. TL và truyện Nỏ Thần, tôi cho rằng đó là truyện thần thoại. Khi tới nơi, tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Di tích thành còn 3 vòng, dài tổng cộng 16 Km. Vòng thành trong hình chữ nhật là chỗ làm việc của triều đình (c) và là nơi vua ở có cung cấm xây trên gò cao. Vòng giữa là nơi ở của các quan, vòng ngoài là doanh trại quân đội có hình cong tự nhiên theo thế đất. Thành cao 5 m, mặt trên rộng 6 – 12 m, chân rộng 20 – 30 m. Giáp chân vòng ngoài là ao sâu hào rộng. Quả là công trình độc đáo, đầy sáng tạo của quân dân ta thời bấy giờ! Nhờ địa thế sung yếu và nỏ thần, An Dương Vương chống lại Triệu Đà.

Khi đến thăm am thờ công chúa My Nương, tôi thấy tượng công chúa mất đầu, bèn hỏi ông Từ:

- Sao vậy?

- Công chúa bị vua cha chém mất đầu, đầu còn đầu mà thờ.

Nỏ thần là truyện có thực, các nhà khảo cổ đã tìm được hàng vạn mũi tên đồng quanh Loa Thành.

+ Bãi cọc Bạch Đằng: Bãi cọc gồm những cọc lim đường kính từ 15 – 30 cm, nằm trong khu đầm nước của xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, nơi ghi dấu thiên tài quân sự của Hưng Đạo Đại Vương.

Tại miếu Bà, ông Từ cho chúng tôi hay sự tích: “Trước khi đóng cọc, Đức Trần Hưng Đạo đã đến đây quan sát địa hình địa vật. Ngài được bà lão bán nước bên đường chỉ rõ thời biểu nước triều lên xuống. Khi đánh xong giặc Nguyên, Ngài tìm bà lão thưởng công, nhưng không thấy, bèn cho lập miếu thờ bà”.

Hàng năm vào ngày 8 tháng 4 AL, lễ hội chiến thắng Bạch Đằng được tổ chức, kéo dài 4 ngày đêm, trong đó nghi lễ rước kiệu dọc theo bờ sông và cuộc đua thuyền lá tre lao vun vút, tiếng reo hò của dân chúng 2 bên bờ làm sóng dậy tiếng reo hò của quân ta khi quay chiến thuyền lại đánh giặc.



Ngoài những nơi kể trên, tôi cũng đi thăm nhiều di tích lịch sử khác như:

+ Ải Chi Lăng: Ải thuộc tỉnh Lạng Sơn, địa thế hiểm trở, đã bao lần là mồ chôn quân giặc: giặc Tống đời Lý, giặc Mông đời Trần, giặc Minh đời Lê.

+ Ải Nam Quan: Ải cũng thuộc tỉnh Lạng Sơn, ranh giới nước ta và Tàu. Hiện nay, Trung Quốc lấn đất và xây cửa khẩu Hữu Nghị Quan trên phần đất ta.

+ Cổ đô Hoa Lư: Cổ đô thuộc tỉnh Ninh Bình, là kinh đô nước ta vào thời nhà Đinh (968 – 1009).

+ Chùa Một cột: Chùa thuộc thành phố Hà Nội, xây dựng năm 1049 thời vua Lý Thái Tông. Chùa có một kiến trúc độc đáo giống hình bông sen vươn lên từ mặt hồ.

+ Văn Miếu–Quốc Tử Giám, Hà Nội: Văn miếu là nơi thờ các tiên hiền, xây dựng năm 1070. Quốc Tử Giám xây dựng năm 1076, là nơi dạy con các vua quan và những sĩ tử, có thể nói Quốc Tử Giám là trường đại học đầu tiên của nước ta. Cũng tại nơi đây, năm 1442, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia đá để khắc tên các tiến sĩ, trong đó có tên tiến sĩ Bùi Huy Bích, tổ của dòng họ Bùi làng Xuân Bảng.

+ Đền thờ hai Bà: Đền thuộc làng Đồng Nhân, Hà Nội, xây từ năm 1142 dưới thời vua Lý Anh Tông để tưởng nhớ công đức của hai Bà, hai bên tả hữu là nơi thờ 12 nữ tướng.

+ Đền Kiếp Bạc: Đền thuộc xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội

80 Km được dựng lên vào thế kỷ 14 để thờ Đức Trần Hưng Đạo. Đền nằm trong thung lũng trù phú, xung quanh có núi rừng bao bọc, trước đây là nơi đóng quân và là phủ đệ của Hưng Đạo Đại Vương.

+ Bến Bình Than: Bến thuộc làng Trần Xá, huyện Chí Linh, nằm trên sông Lục Đầu, là nơi họp hội nghị Diên Hồng do vua Trần Nhân Tông triệu tập các bô lão bàn kế chống giặc Mông:

- Thế nước yếu, nên hòa hay nên chiến?
- Quyết chiến!
- Thế nước yếu lấy gì mà lo chiến chinh?
- Hy sinh!

Tiếng hô làm vang dậy sóng nước Bình Than. Tôi buột mồm hô theo, làm giật mình đưa cháu đi cùng.

+ Đền Cửa Ông: Đền thuộc thị xã Cẩm Phả, nằm trên ngọn núi trông ra vịnh Bái Tử Long, xây dựng đầu thế kỷ 19, thờ Trần Quốc Tăng, con trai thứ ba của Trần Hưng Đạo, có công trấn ải vùng cửa Suốt.

+ Đền Côn Sơn: Cách xa Kiếp Bạc 5 Km, nơi thờ danh nhân Nguyễn Trãi. Khu di tích bao gồm giếng Ngọc, bàn cờ Tiên; chùa Côn Sơn với cây đại 600 tuổi, trồng từ thời nhà Lê; Thạch Bàn, nơi Nguyễn Trãi ngồi nghĩ kế diệt giặc.

20-7-1980: Ty nạn xứ người

Khi học Sử Ký, tôi có 2 điều trăn trở, nhưng chưa có thì giờ tìm hiểu :

1. Nguồn gốc người Việt từ Trung Hoa: Theo các học giả như Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh đều cho rằng người Việt có nguồn gốc từ Trung Hoa. Dân tộc ta có nền văn hóa, phong tục, nhất là ngôn ngữ ngoại hình khác hẳn với người Hoa, lẽ nào có chuyện như vậy?

2. Huyền thoại Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra “một trăm cái trứng nở ra một trăm con”: Chuyện xảy ra cách đây 5000 năm đâu có bao xa, so với tuổi loài người xuất hiện trên địa cầu cách đây 6 triệu năm. Điều này khó có thể tin được.

+ Nguồn gốc người Việt: Hời ở trong nước (trước năm 1980), để tìm hiểu lịch sử nước ta, tôi chỉ có thể tham khảo:

- Đại Việt sử ký toàn thư do Ngô Sĩ Liên soạn thảo từ thời nhà Lê, ghi chép những sự việc xảy ra từ họ Hồng Bàng tới nhà Lê.

-Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim viết vào năm 1919 qua bản in lần thứ nhất vào năm 1921, trong đó những chuyện xảy ra vào Thượng Cổ thời đại mang tính cách truyền khẩu.

Với phương pháp nghiên cứu sử học ngày nay, người ta đào bới những di tích, di vật của người xưa như đồ dùng trong sinh hoạt, vũ khí, xương cốt, chữ viết mà người ta đoán định khá chính xác lịch sử đã qua. Vì vậy sử học của một dân tộc phải mang tính khoa học.

Việc truy cứu lịch sử VN không phải là điều khó. Ngày nay với phương tiện internet, chúng ta có thể truy cập sử liệu quan trọng của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, qua các nhà khảo cổ uy tín (d). Theo họ, kể từ sông Dương Tử trở xuống phía nam đã sinh sống một chủng tộc đông đảo Bách Việt (e). Trong số Bách Việt, có 2 chủng tộc đặc biệt:

- Chủng Âu (Thái, Mường) sinh sống tại các tỉnh Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông Quảng Tây, Vân Nam của Trung Hoa bây giờ.

- Chủng Lạc (Việt) chiếm vùng gần bờ biển.

Người Hán (Tàu) từ phía tây tiến về phía đông, từ phía bắc tràn xuống phía Nam để xâm chiếm các sắc dân Bách Việt và đồng hóa họ, trừ sắc dân Lạc Việt, không chịu thôn tính, đã tiến xuống miền nam và lập ra nước Văn Lang độc lập năm 2879 tr. TL. Còn chủng Âu không chịu thế lực của người Hán di cư về miền rừng núi.

Trước khi người Hán xâm chiếm Bách Việt, người Bách Việt đã biết trồng lúa (f), ngũ cốc, làm đồ đồng, đồ thiếc, đồ gốm. Nhà khảo cổ Mỹ Wilhem G, Solhelm II cho thấy nền văn minh Hòa Bình là nền văn minh nông nghiệp đầu tiên trên thế giới khoảng 15,000 tr TL. Về vũ khí, dân cư Đông Sơn đã sản xuất nhiều vũ khí tinh vi. Ông còn nhấn mạnh cả 2 nền văn minh nổi tiếng của Trung Hoa là Lung Shan và Yang Sao đều xuất phát từ Hòa Bình, VN.

Tóm lại, ta thuộc dòng giống Việt; còn Tàu thuộc Hán tộc. Nước ta nói riêng và vùng Đông Nam Á nói chung đã có một nền văn minh cao hơn nước Tàu thời bấy giờ.

+ Một bọc trứng đẻ ra trăm con: Dân tộc nào cũng có huyền thoại đề cao gốc tích của mình, như người Nhật tự cho mình là con cháu Thái

Dương Thần Nữ, người Việt là con Rồng cháu Tiên.

Về cổ sử nước ta, Trần Trọng Kim viết: “Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ đẻ ra một trăm cái trứng nở ra trăm con; 50 người con theo mẹ lên núi, 50 người con theo cha xuống biển”. Truyện này sao chép trong Đại Việt Sử Ký Toàn thư của Ngô Sĩ Liên soạn thảo vào đời Lê, lấy từ những truyện thần tiên cổ tích của người Mường (g).

Lạc Long: Lạc là chủng Lạc, Long là Rồng, chỉ dân miền đồng bằng.

Âu cơ: Âu là chủng Âu, Cơ là Tiên, chỉ người xuất hiện trên núi.

Như trên chúng ta đã thấy, cả hai chủng đều thuộc Bách Việt.

Dưới sự xâm lăng của người Hán từ phương Bắc tràn xuống, chủng Lạc phải di tản về miền gần bờ biển, còn chủng Âu lên miền núi. Truyện thuyết “Lạc Long Quân – Âu Cơ” chỉ là câu chuyện di tản lịch sử của 2 chủng Lạc và Âu.

Tôi tha thiết mong mọi rằng các nhà sử học VN dựa trên những sử liệu chính xác mới đây của các nhà khảo cổ trong cũng như ngoài nước, hiệu chỉnh sử nước ta, nhất là sử vào thời đại từ năm 6000 tr. TL (nạn Hồng Thủy) cho đến năm 2879 tr TL.

*

Tuy sống xa quê hương, lúc nào tôi cũng hướng về đất tổ, nơi đã sản sinh biết bao anh hùng dựng nước và giữ nước:

Từ thừa đem thân nơi xứ lạ

Ngàn năm vẫn nhớ đất Thăng Long

Tôi đã làm bất cứ gì trong khả năng hạn hẹp để góp phần nhỏ vào việc xoa dịu những thống khổ của đồng bào tôi tại quê nhà.

Mỗi lần nhớ nhà, tôi thường lang thang trong công viên “Cô Ninh” (Cunningham Park), một công viên rộng 200 mẫu của thành phố SJ, vì phong cảnh nơi đây có phần giống những địa danh lịch sử của nước tôi. Rặng liễu bên hồ Cô Ninh gợi nhớ hồ Hoàn Kiếm, nơi vua Lê Thái Tổ đã trả kiếm cho rùa thần sau khi dẹp xong giặc Minh, trong hồ cũng có hòn đảo nhỏ tương tự như tháp Rùa; hôm nào gió mạnh, hồ nổi sóng không khác gì hồ Tây, Hà Nội. Phóng

tâm mắt ra xa là rặng núi Hamilton phẳng phất sương mù gợi lên hình ảnh núi Nghĩa Lĩnh, nơi quốc tổ Hùng Vương dựng nước. Đi về phía Đông của hồ, rừng cây um tùm làm cho tôi liên tưởng tới những ngày chiến đấu gian khổ của Lê Lợi tại Chí Linh. Nhìn con đê bao quanh rạch về phía Tây hồ, tôi nhớ lại thành Cổ Loa, nơi An Dương Vương chống trả quân Triệu.

Trong những dịp giỗ chạp, hay tưởng niệm, tôi thường tâm sự với các bạn trẻ: “Chúng ta tự hào là người VN, có chung một quốc tổ Hùng Vương. Tổ tiên ta đã dày công dựng nước và mở mang bờ cõi, đồng thời xây dựng một nền đạo lý cao siêu vượt hơn cả những triết lý đông tây kim cổ, lấy đạo “thờ Trời kính người” làm gốc. Việt đạo là đạo chung của mọi tôn giáo du nhập vào nước ta. Thừa hưởng cả một gia tài quý báu của ông cha để lại, chúng ta có bổn phận phải giữ gìn lấy nó và nhớ ơn công đức của tiên nhân”:

Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn

Nước có nguồn mới tưới mát ruộng xanh

(a) Hồ sen nay đã được lấp bằng, tượng vua Quang Trung được dựng lên, dùng làm lễ hội Đống Đa diễn ra vào ngày mùng 5 Tết Nguyên Đán.

(b) Trong đền có giếng Ngọc, tương truyền 2 công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa, con vua Hùng thứ 18, thường soi xuống giếng để chải tóc.

(c) Điện Ngự vẫn được bảo tồn, nay dùng làm đình Cổ Loa.

(d) Trong đó phải kể ông Oppenheimer, tác giả của cuốn *Eden in the East: the drowned continent of Southeast Asia*.

(e) Bách chỉ có nghĩa là nhiều, không có nghĩa là một trăm.

(f) Dùng kỹ thuật định tuổi cacbon-14, các nhà khoa học cho hay tổ tiên ta đã biết trồng lúa khoảng 5000 – 6000 năm trước đây tại Phùng Nguyên, VN.

(g) Có người cho rằng Lê Lợi gốc gác người Mường, vì vậy Ngô Sĩ Liên thêm vào sử nước ta.